TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2018
"V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Châu,
2. Ông Dương Tấn Lợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 566/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1981;
Địa chỉ: 79, L, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh;
Hiện sinh sống: số 015, đường 26/3, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: **Trịnh Tuấn H**, sinh năm 1970;
Địa chỉ: số 015, đường 26/3, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2002, chị T và anh H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 20, quận T, thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/8/2002. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu vẫn hạnh phúc nhưng thời gian sau, hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống do anh H không có trách nhiệm với gia đình và còn có quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân. Chị T khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi mà khiến cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng. Vì vậy chị và anh H đã ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm. Nay chị T nhận thấy tình cảm hai bên không thể hàn gắn được, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thành A, sinh ngày 20/6/2002 và Trịnh Thành Đ, sinh ngày 26/4/2012. Hiện nay, các con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn là anh Trịnh Tuấn H đã được được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

1. Bản chính giấy chứng nhận kết hôn tên Trịnh Tuấn H - Lê Thị Ngọc T.
2. Bản sao giấy khai sinh tên Trịnh Thành A và Trịnh Thành Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng*:* Anh Trịnh Tuấn H mặc dù được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H không có văn bản ý kiến trả lời cũng như không đến tham gia phiên hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay vẫn vắng mặt không lý do; vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trịnh Tuấn H.

Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Phạm Phước Tâm và bà Hồ Thị Mai Hương, Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Dương Tấn Lợi và bà Võ Thị Điệp. Tuy nhiên, ông Tâm, bà Hương và bà Điệp đều bận công tác đột xuất nên thay thế Hội thẩm nhân dân là bà Lê Thị Ngọc Châu để tham gia Hội đồng xét xử.

Đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

- Về hôn nhân: Xét thấy chị Lê Thị Ngọc T và anh Trịnh Tuấn H chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường 20, quận T, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/8/2002 . Sau khi kết hôn, theo chị T, thời gian đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc nhưng thời gian sau, cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống do anh H không có trách nhiệm với gia đình và còn có quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân. Chị T khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, còn làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng. Chị T không thể nào chấp nhận được khi sống chung với anh H nên từ năm 2013 chị và anh H đã ly thân với nhau, trong thời gian sống xa nhau, cả chị và anh H không ai có ý định hàn gắn tình cảm, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, điều này cho thấy hôn nhân giữa hai người không đạt được mục đích. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh H xét thấy là phù hợp nên Tòa chấp nhận.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh H vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thành A, sinh ngày 20/6/2002 và Trịnh Thành Đ, sinh ngày 26/4/2012, hiện các con chung đang sống với chị T. Xét thấy con chung Trịnh Thành A có nguyện vọng sống với chị T khi cha mẹ ly hôn, điều này phù hợp với yêu cầu của chị T; Đồng thời từ khi vợ chồng ly thân con chung Trịnh Thành Đ sống với chị T đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần; do vậy chấp nhận chị T tiếp tục nuôi dưỡng các con chung Trịnh Thành A và Trịnh Thành Đ, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí: chị Lê Thị Ngọc T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Lê Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trịnh Tuấn H.

2. Về con chung: Chấp nhận chị T được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Trịnh Thành A, sinh ngày 20/6/2002 và Trịnh Thành Đ, sinh ngày 26/4/2012, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16115 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- UBND phường 20, quận T; TPHCM.
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trung Dũng